

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

Ngày 31/03/2024	43,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.5%	17.5%	23.0%

DT thuần Q1/24
949
tỷ VNĐ
QoQ: ▼402 -29.8%
YoY: ▼351 -27.0%

LN thuần Q1/24
130
tỷ VNĐ
QoQ: ▼64.0 -33.0%
YoY: ▼4.00 -3.0%

LN sau thuế Q1/24
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▼56.0 -33.9%
YoY: ▼9.00 -7.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
13.8%
YoY: +/-▼ 0.7%

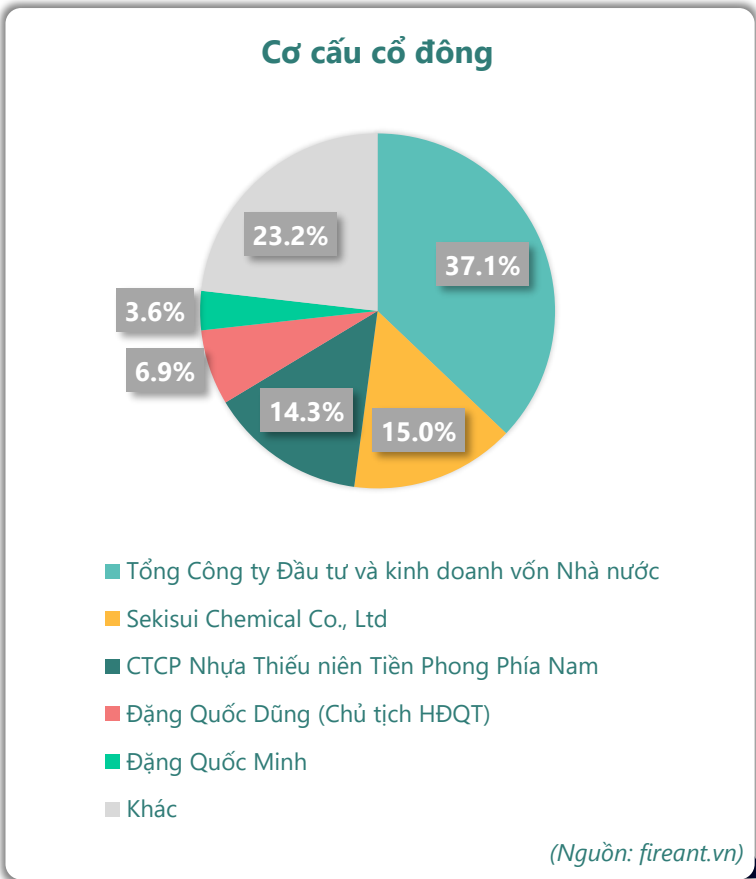
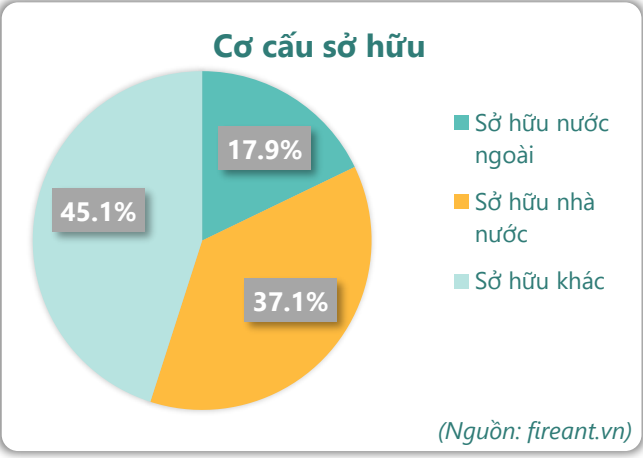
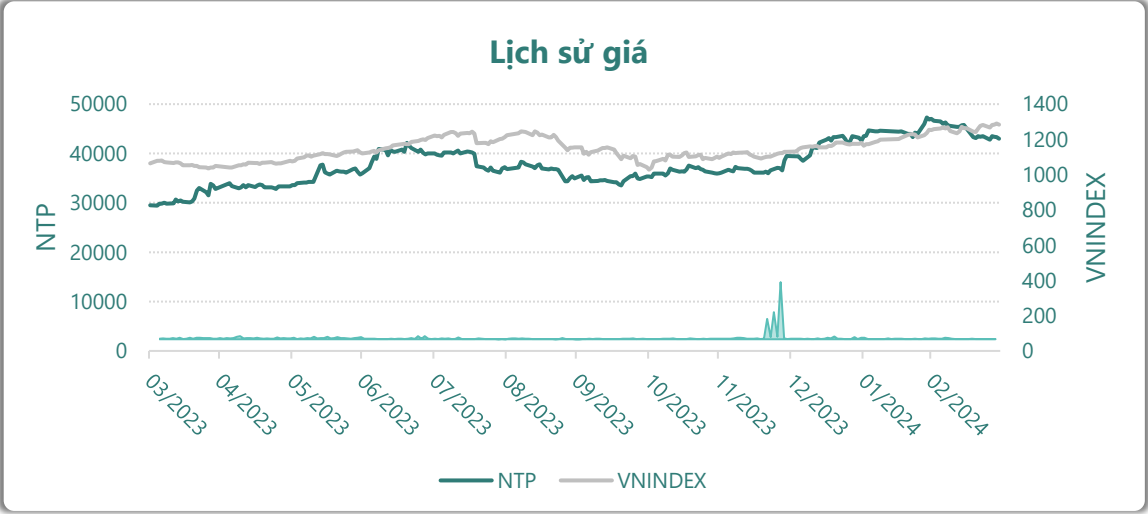
ROE (TTM) Q1/24
17.8%
YoY: +/-▼ 1.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	29,435 - 47,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,572
Số lượng CPLH (CP)	129,575,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	74,720
Sở hữu nước ngoài	17.9%
Beta	0.30
EPS	4,245
P/E	10.1

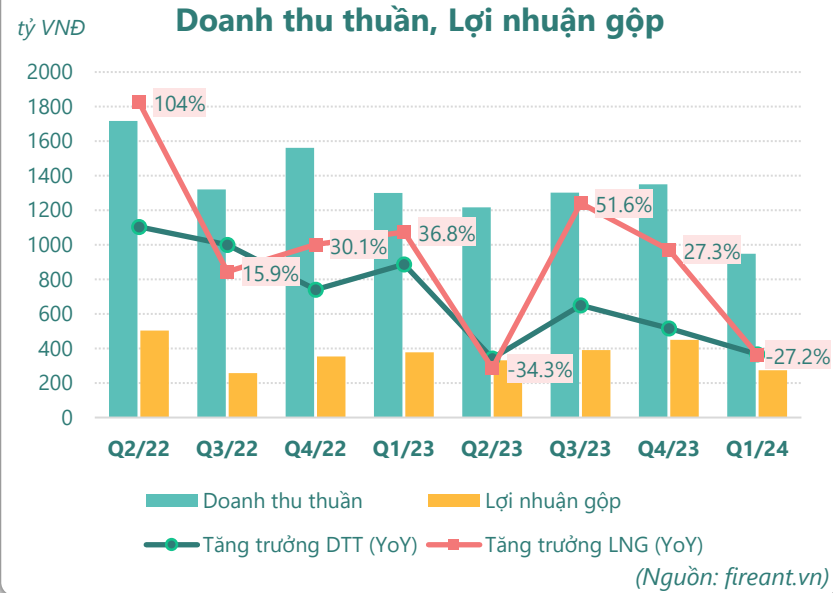
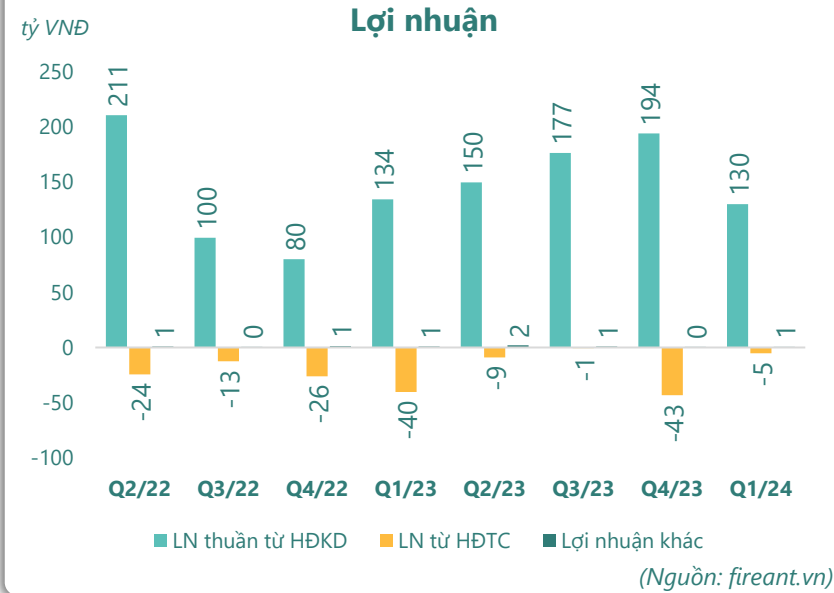
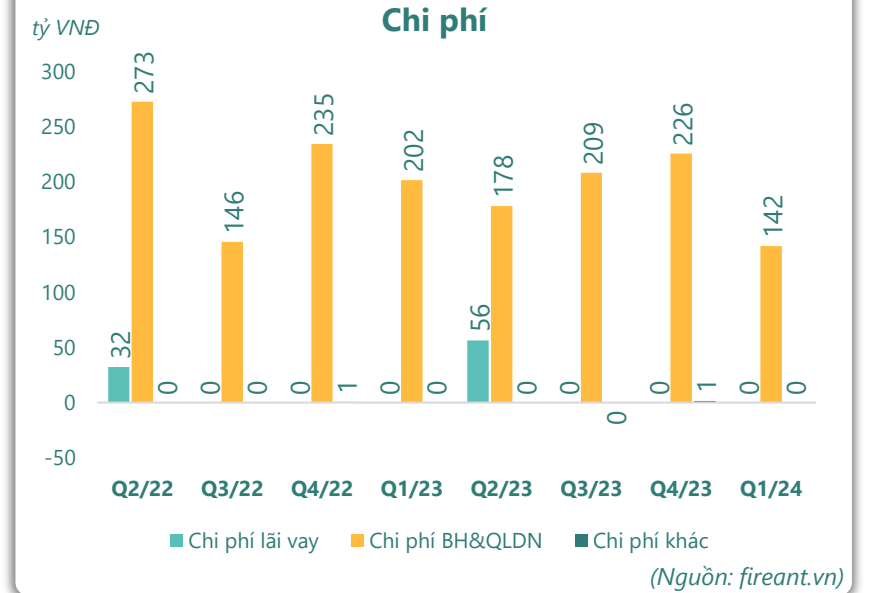
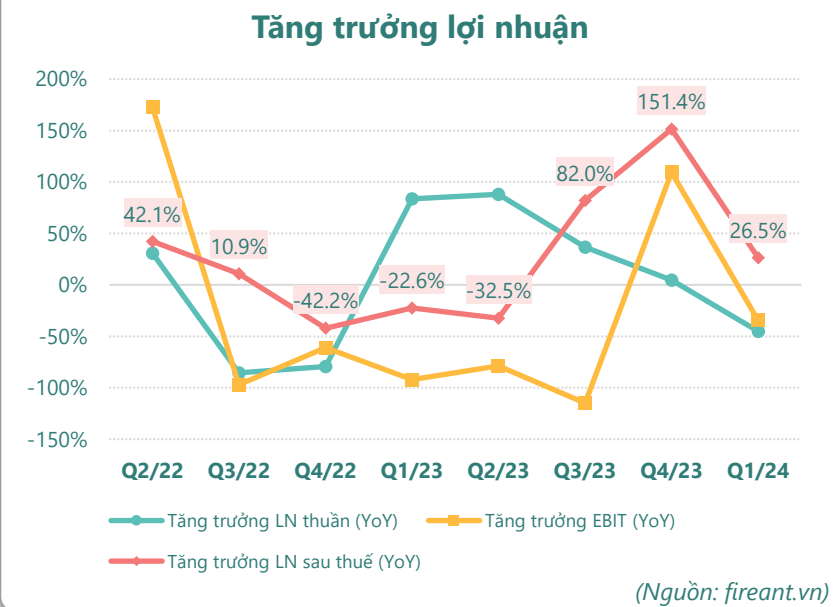
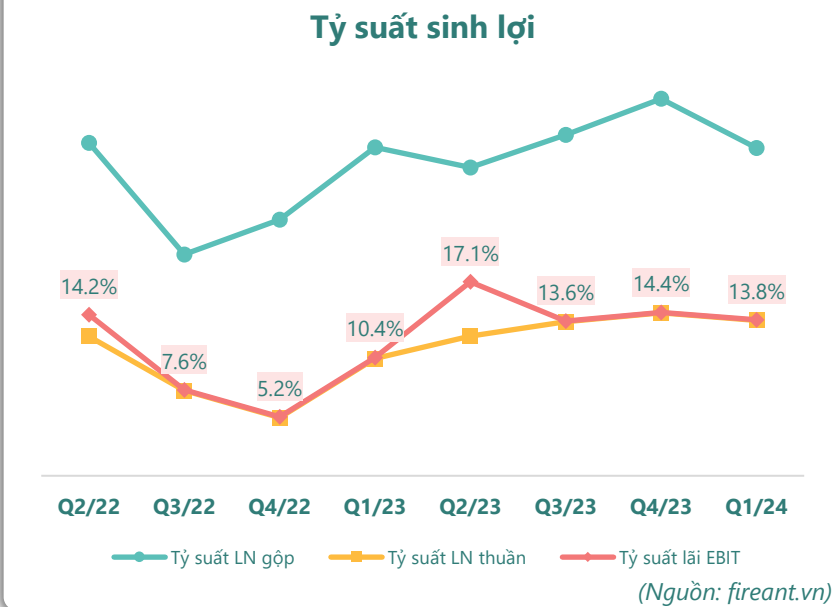
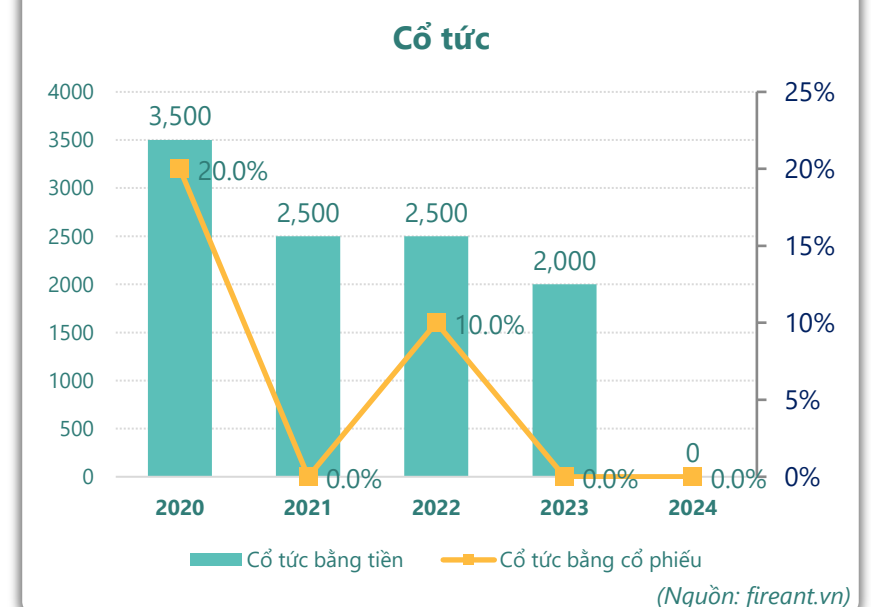
DT thuần 2023
5,176
tỷ VNĐ
YoY: ▼509 -9.0%

LN thuần 2023
655
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 92.0 16.4%

LN sau thuế 2023
559
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.0 16.7%



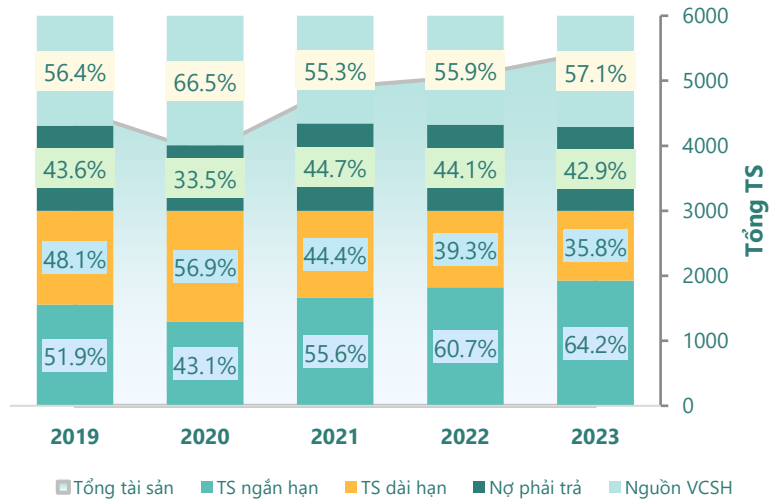
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

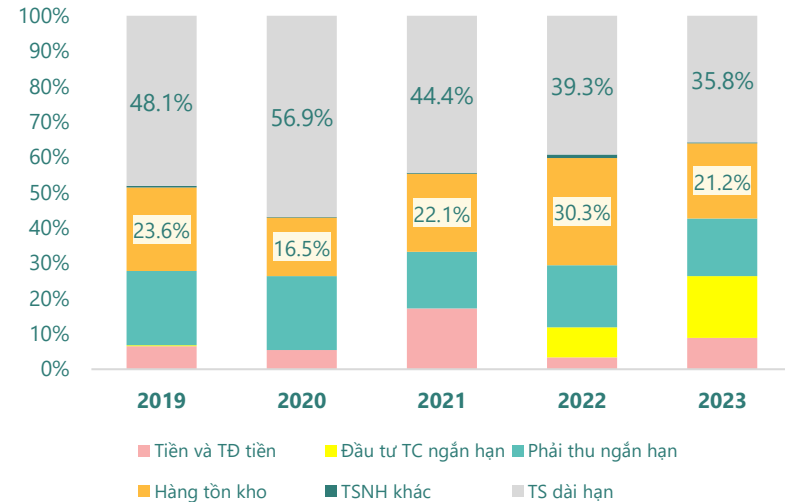
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

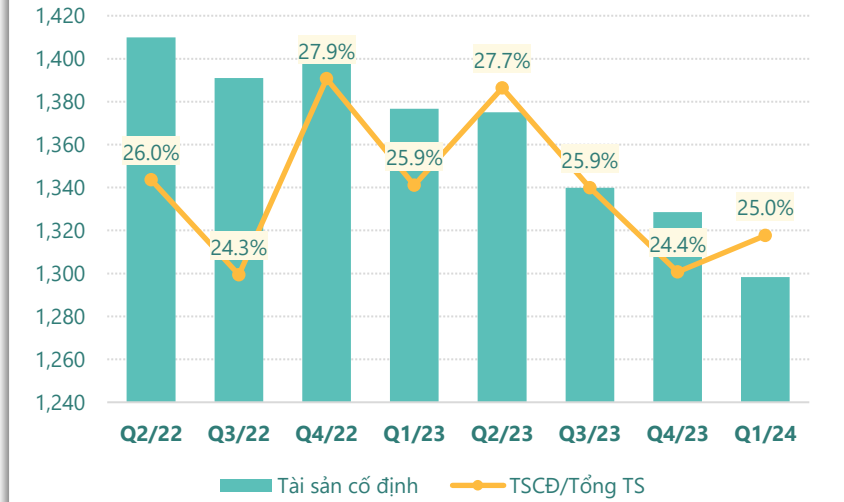
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

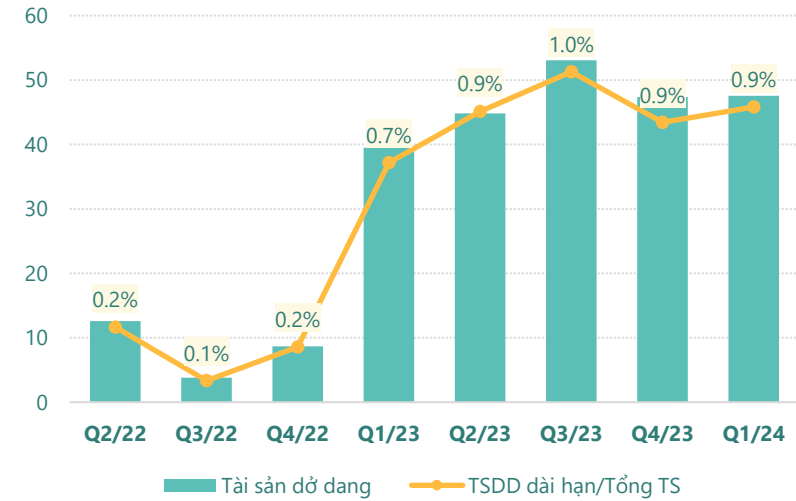
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

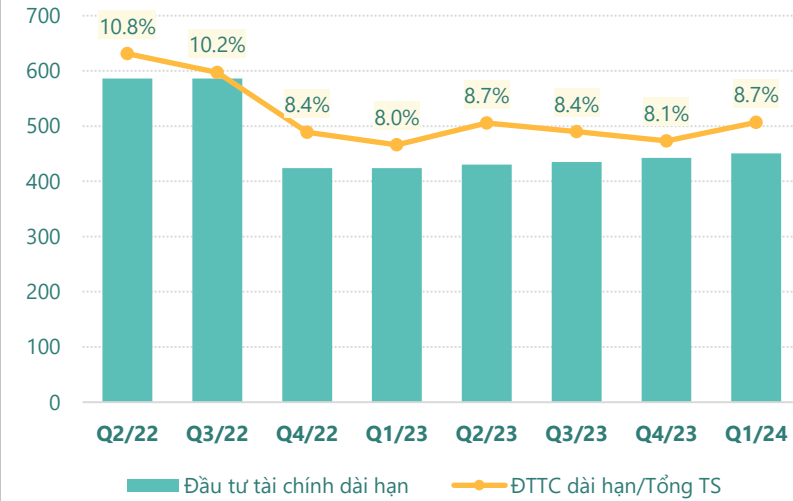
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

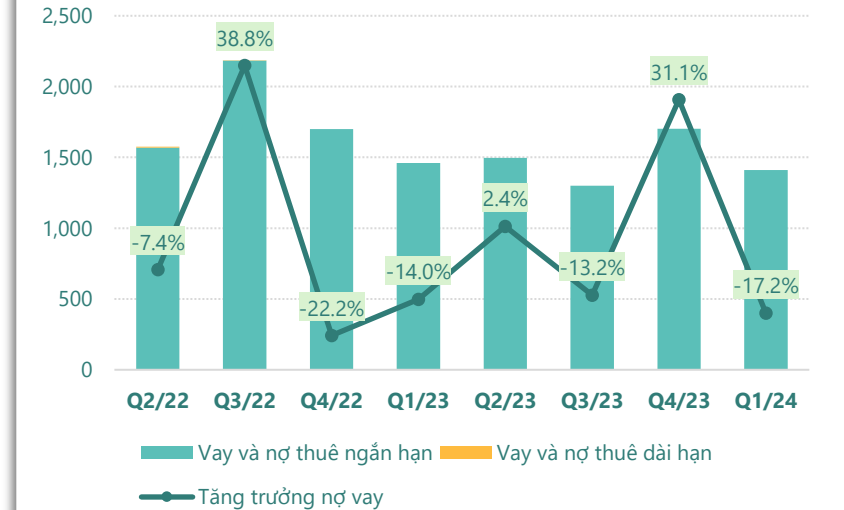
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

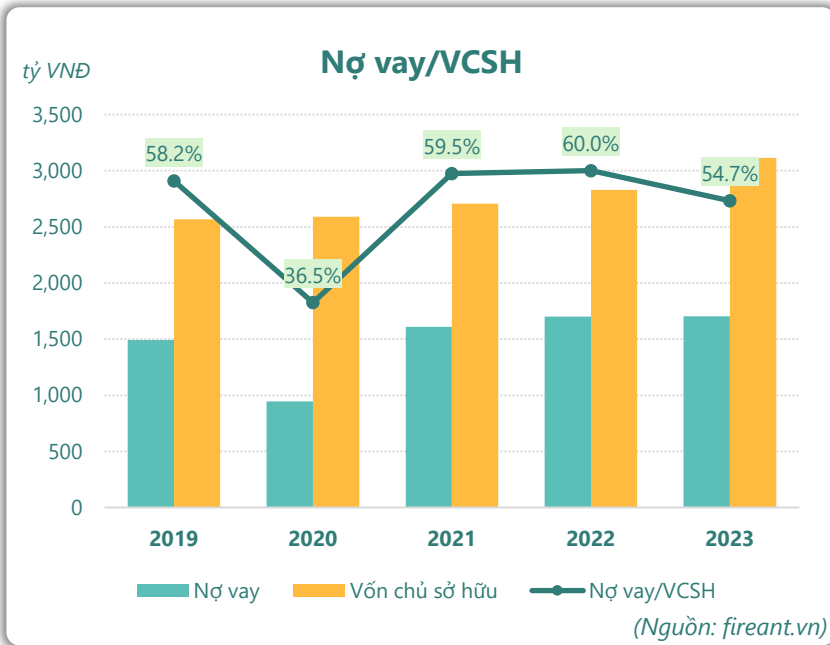
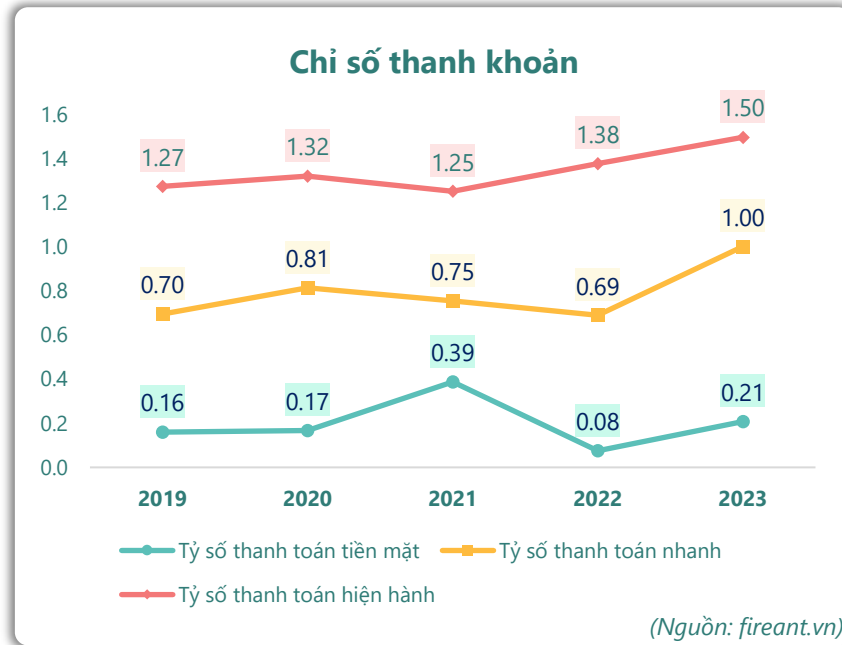
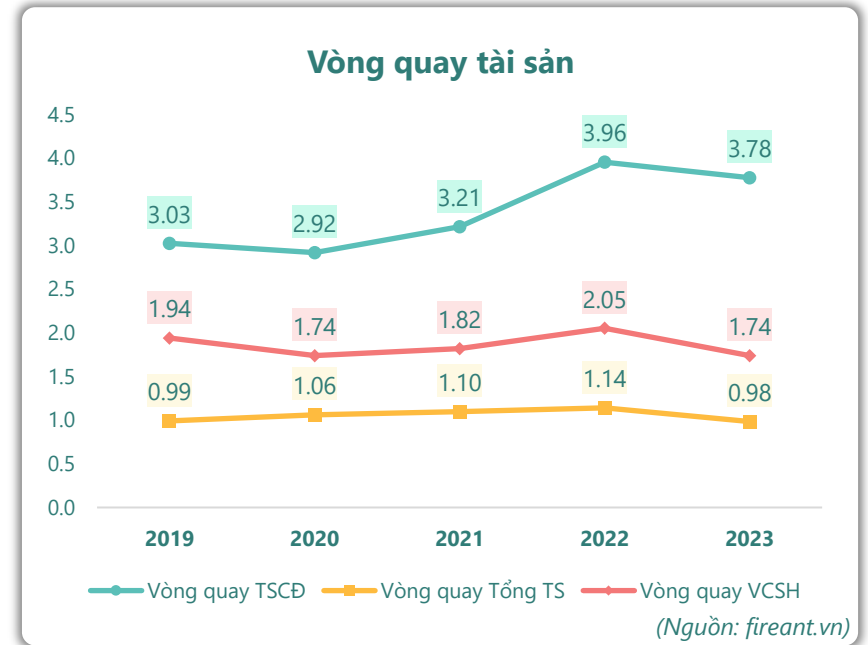
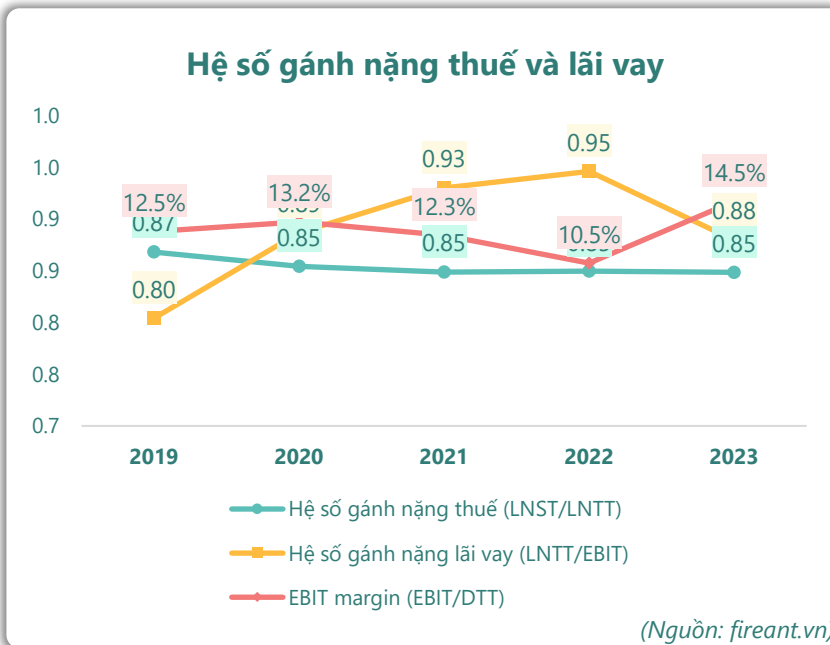
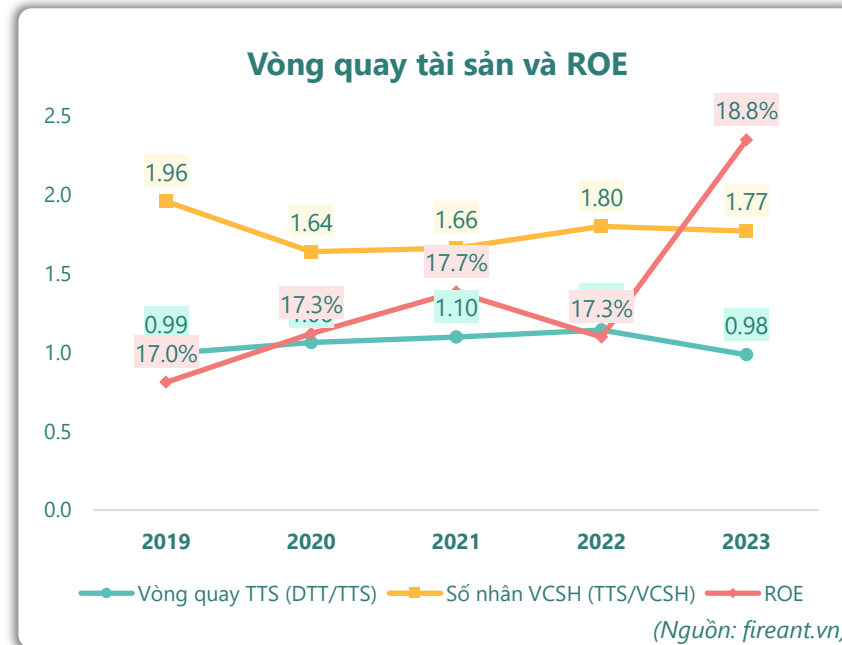
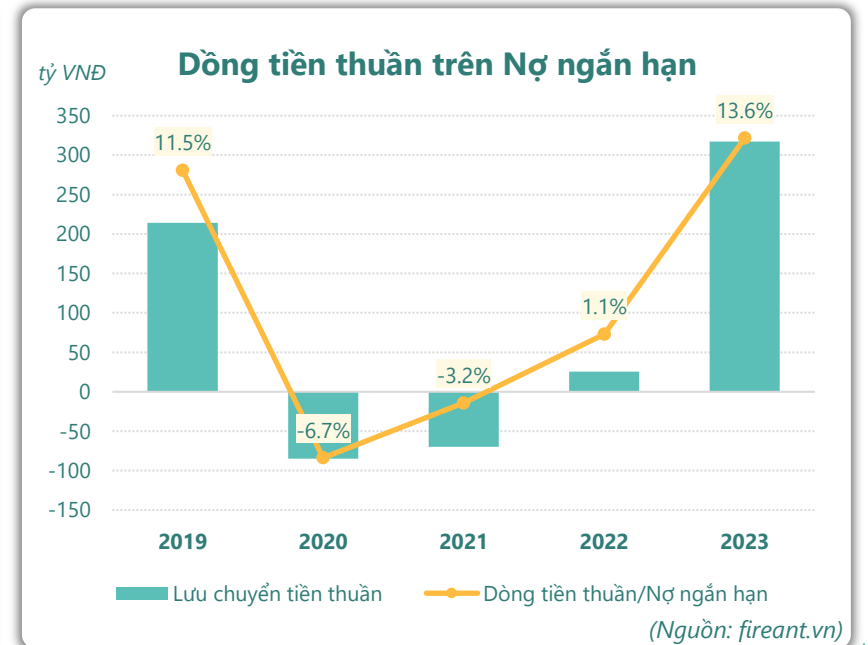
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	949	1,300	-27.0%	5,176	5,685	-9.0%
Giá vốn hàng bán	674	923	-26.9%	3,620	4,295	-15.7%
Lợi nhuận gộp	274	377	-27.2%	1,556	1,391	11.9%
Doanh thu HĐTC	15.5	5.17	201%	65.7	64.4	2.1%
Chi phí TC	20.7	45.6	-54.5%	159	142	12.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		90.1	32.1	181%
LN trong công ty LKLD	2.99	-0.06	5079%	14.9	24.4	-39.0%
Chi phí bán hàng	94.3	163	-42.2%	632	620	1.9%
Chi phí QLDN	47.9	39.2	22.2%	190	154	23.1%
LN thuần từ HĐKD	130	134	-3.0%	655	563	16.4%
Lợi nhuận khác	0.51	0.94	-46.1%	4.11	1.81	127%
LN trước thuế	131	135	-3.3%	659	564	16.8%
Lợi nhuận sau thuế	109	118	-7.6%	559	480	16.7%
LNST của CĐ cty mẹ	109	118	-7.6%	559	480	16.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	174	933	-188	665	-231	128
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	346	126	-315	-378	-39.2	-68.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-678	-238	-29.2	-197	209	-293
Tiền đầu kỳ	1,026	168	989	456	546	485
Lưu chuyển tiền thuần	-158	821	-533	90.3	-60.7	-233
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.03	-0.03	0	0
Tiền cuối kỳ	168	989	456	546	485	253

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	5,189	5,454	-4.9%
Tài sản ngắn hạn	3,263	3,501	-6.8%
Tiền và tương đương tiền	253	485	-48.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,000	950	5.3%
Phải thu ngắn hạn	683	890	-23.2%
Hàng tồn kho	1,301	1,159	12.3%
Tài sản ngắn hạn khác	27.3	17.7	54.2%
Tài sản dài hạn	1,925	1,953	-1.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,298	1,329	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	47.5	47.4	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	451	442	1.9%
Tài sản dài hạn khác	129	134	-4.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,964	2,338	-16.0%
Nợ ngắn hạn	1,964	2,338	-16.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,410	1,703	-17.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	207	313	-33.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,225	3,115	3.5%
Vốn chủ sở hữu	3,225	3,115	3.5%
Vốn điều lệ	1,296	1,296	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

